

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**LỚP: MGG 4-5 TUỔI**

ST T	Đ T	Mục tiêu	Nội dung		Thực hiện CĐ	ĐC BS
			Riêng	Chung		
<b>I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>						
<b>a) Phát triển vận động</b>						
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>						
1	4	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tay: + Động tác 1: Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang. + Động tác 2: Đưa hai tay ra phía trước - Sau và vỗ vào nhau + Động tác 3: Đưa ra trước, gập khuỷu tay + Động tác 4: Đưa hai tay ra trước, về phía sau + Động tác 5: Đánh xoay tròn hai vai - Lưng, bụng, lườn: + Động tác 1: Nghiêng người sang bên + Động tác 2: Quay người sang bên + Động tác 3: Đứng cúi người về trước + Động tác 4: Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau + Động tác 5: Ngồi, quay người sang bên - Chân: + Động tác 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối + Động tác 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối + Động tác 3: Đứng, nhún chân, khụy gối + Động tác 4: Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.	1->10	

			+ Động tác 5: Bật lên trước, ra sau, sang bên.			
2	5	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: + Động tác 1: Đưa ra phía trước, sau + Động tác 2: Đưa ra phía trước, sang ngang + Động tác 3: Đánh xoay tròn hai cánh tay (cuộn len) + Động tác 4: Đánh chéo hai tay ra phía trước, sau + Động tác 5: Luân phiên từng tay đưa lên cao - Lung, bụng, lườn: + Động tác 1: Đứng cúi về trước + Động tác 2: Đứng quay người sang bên + Động tác 3: Nghiêng người sang bên + Động tác 4: Cúi về trước, ngửa ra sau + Động tác 5: Quay người sang bên - Chân: + Động tác 1: Khụy gối + Động tác 2: bật đưa chân sang ngang + Động tác 3: Đưa chân ra các phía + Động tác 4: Nâng cao chân, gập gối + Động tác 5: Bật về các phía			
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản các tổ chất trong vận động</b>						
3	4	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục	- Đi bằng gót chân - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi lùi	- Đi khụy gối.	- 1 - 4 - 9 - 10	

		hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m		* Đi trên ghế TD đầu đội túi cát.	- 7	
4	5	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn), - Đi nổi bàn chân tiến, lùi		- 1 - 4 - 9	
5	4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Đi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- 3 - 2 - 10 - 10	
6	5	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi đổi hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh.		- 3 - 10	
7	4	- Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	- Tung bóng với người đối diện  + Đập bóng xuống sàn và bắt bóng	- Ném trúng đích bằng 1 tay - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Đập bắt bóng tại chỗ	- 7 - 5 - 1 - 6 - 10	
8	5	- Trẻ phối hợp tay-mắt trong vận động:	- Tung bắt bóng tại chỗ		- 7	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).</li> <li>+ Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).</li> <li>+ Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi và đập bắt bóng</li> </ul>		- 10	
9	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.</li> <li>+ Ném trúng đích ngang (xa 2 m).</li> <li>+ Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m</li> <li>- Bò đích dắc qua 5 điểm.</li> <li>- Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m.</li> <li>- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.</li> <li>- Chạy 15m trong khoảng 10 giây</li> <li>- Trèo lên, xuống 5 giống thang.</li> <li>- Chạy chậm 60 - 80m</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 2m</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò chui qua cổng</li> <li>- Chuyển bắt bóng qua đầu</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Chuyển bắt bóng qua chân</li> <li>- Ném xa bằng 2 tay</li> <li>- Trườn theo hướng thẳng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1</li> <li>- 5</li> <li>- 2</li> <li>- 8</li> <li>- 4</li> <li>- 7</li> <li>- 5</li> <li>- 3</li> <li>- 6</li> <li>- 9</li> <li>- 8</li> <li>- 9</li> <li>- 8</li> </ul>	
10	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây</li> <li>+ Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).</li> <li>+ Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.</li> <li>+ Trẻ biết trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất (BC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m - 5m;</li> <li>- Bò đích dắc qua 7 điểm.</li> <li>- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</li> <li>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</li> <li>- Chạy chậm khoảng 100 - 120m.</li> <li>- Trèo lên, xuống 7 giống thang</li> <li>- Chạy 18m trong khoảng 10 giây</li> <li>- Ném trúng đích nằm ngang.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1</li> <li>- 6</li> <li>- 4</li> <li>- 8</li> <li>- 7</li> <li>- 8</li> <li>- 6</li> <li>- 5</li> <li>- 9</li> </ul>	
11	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết bật xa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật liên tục về phía trước.</li> </ul>		- 2	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm.</li> <li>- Bật xa 35 - 40 cm.</li> <li>- Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 7</li> <li>- 4</li> <li>- 5</li> </ul>	
12	5	- Trẻ bật xa tối thiểu 50 cm (BC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật liên tục vào vòng.</li> <li>- Bật xa 40 - 50 cm.</li> <li>- Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô.</li> <li>- Bật qua vật cản 15 - 20 cm.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2</li> <li>- 4</li> <li>- 5</li> <li>- 7</li> </ul>	
13	4	- Trẻ biết bật nhảy từ trên cao xuống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật - nhảy từ trên cao 30-35cm</li> <li>- Nhảy lò cò 3m</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3</li> <li>- 6</li> </ul>	
14	5	- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 - 50cm (BC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).</li> <li>- Nhảy lò cò 5m.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3</li> <li>- 6</li> </ul>	
15	5	- Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (BC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý.</li> <li>- Tham gia hoạt động tích cực.</li> <li>- Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp ngủ, ngủ gật.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>1-&gt;2</li> </ul>	
<b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt</b>						
16	4	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay vào nhau.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...</li> </ul>			
17	5	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>1-&gt;3</li> </ul>	
18	4	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập giấy</li> <li>- Lắp ghép hình</li> <li>- Xé, cắt đường thẳng.</li> <li>- Tô, vẽ hình.</li> <li>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>3-&gt;7</li> </ul>	

		<p>nhà, cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cắt thành thạo theo đường thẳng.</li> <li>+ Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối.</li> <li>+ Biết tết sợi đôi.</li> <li>+ Tự cài, cởi cúc, buộc dây dầy.</li> </ul>			
19	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</li> <li>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</li> <li>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</li> <li>- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.</li> <li>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bẻ, nắn.</li> <li>- Lắp ráp.</li> <li>- Tô, đồ theo nét.</li> <li>- Xé, cắt đường vòng cung.</li> <li>- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</li> </ul>		

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

**1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng tới sức khỏe**

20	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé trai</li> <li>+ Cân nặng: 14,1 - 24,2 kg</li> <li>+ Chiều cao: 100,7 - 119,2 cm</li> <li>- Bé gái</li> <li>+ Cân nặng: 13,7 - 24,9kg</li> <li>+ Chiều cao: 99,9 - 118,9 cm</li> </ul>		1,3,6,10
21	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé trai</li> <li>+ Cân nặng: 15,9 - 27,1 kg</li> <li>+ Chiều cao: 106,1 - 125,8 cm</li> </ul>		

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé gái</li> <li>+ Cân nặng: 15,3 - 27,8 kg</li> <li>+ Chiều cao: 104,9 - 125,4 cm</li> </ul>			
22	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</li> <li>+ Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.</li> <li>+ Rau, quả chín có nhiều vitamin.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất</li> </ul>		
23	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</li> <li>- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... có ở địa phương.</li> <li>- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... có ở địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</li> </ul>		1,2,3	
24	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... mang đặc trưng địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn</li> </ul>			3,4,5
25	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo ... mang đặc trưng địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống mang đặc trưng của địa phương.</li> <li>- Kể tên một số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày của gia đình (BC)</li> </ul>			
26	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết ăn để cao</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết</li> </ul>	2,3,5,7	

		lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		
27	5	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- <i>Nhận biết một số thói quen tốt trong khi ăn uống như không cười đùa nói chuyện trong khi ăn uống (BC)</i> - <i>Hiểu khi uống thuốc phải có sự chỉ dẫn của người lớn và bác sỹ (BC)</i> - <i>Nhận biết thức ăn có mùi ôi quả thối, rượu bia, thuốc lá có hại sức khỏe cho con người.(BC)</i>	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ cho sinh hoạt</b>						
28	4	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. + Tự lau mặt đánh răng. + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Trẻ biết tự lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tập đánh răng, lau mặt.		1,2,3	
29	5	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - <i>Tập luyện kỹ năng chải đầu tóc mặc quần áo gọn gàng.(BC)</i>			



		nước cho sạch. + Trẻ biết giữ đầu tóc quần áo gọn gàng. (BC)	- Tự thay quần áo khi bị ướt. (BC)			
30	4	- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát xúc cơm ăn gọn gàng		1,2	
31	5	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự xúc cơm ăn gọn gàng chan canh vào bát biết lấy cốc giót nước không làm rơi vãi.			
<b>3. Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b>						
32	4	- Trẻ có 1 số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.			
33	5	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. + Biết và không ăn, uống thức ăn có hại cho sức khỏe (BC)	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (BC) - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Không ăn uống thức ăn, nước uống có mùi ôi thiu bẩn có mùi lạ.		1,2,6	
34	4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ	- Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập luyện một số thói		

		<p>sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép dày khi đi học.</li> <li>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.</li> <li>+ Đi vệ sinh đúng nơi qui định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết <i>biết bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay bất thường.</i></li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết ở địa phương</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi qui định.</li> </ul>	<p>quen tốt về giữ gìn sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, VSMT đối với sức khỏe con người. <i>Bảo vệ sức khỏe khi thời tiết bất thường.</i></li> </ul>	2,9,10	
35	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</li> <li>+ Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy</li> <li>+ Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>+ Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>+ Che miệng khi ho, hắt hơi.</li> <li>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết <i>bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay bất thường.</i></li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết ở địa phương</li> <li>- <i>Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (BC)</i></li> </ul>			
<b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</b>						
36	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận ra bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Trẻ biết các vật sắc nhọn</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, <i>(Bếp</i></li> </ul>	3,5	

		không nên nghịch.		<i>đang đun, phích nước nóng)</i>		
37	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn		những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (dao, kéo)		
38	4	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		4,8,9	
39	5	- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng			
40	4	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ. không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - <i>Không leo trèo bàn ghế</i> - <i>Không nghịch các vật sắc nhọn</i>		1, 7	

		của cô giáo.				
41	5	<p>- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>+ Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc,....</p> <p>+ Biết không tự ý uống thuốc.</p> <p>+ Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</p> <p>+ Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người hút thuốc (BC)</p>	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</p> <p>- <i>Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc (BC)</i></p>			
42	4	<p>- Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.</p> <p>+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>+ Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ</p> <p><i>(111 bảo vệ trẻ em; 112: Tìm kiếm cứu nạn; 113 công an; 114 cứu hỏa; 115 cứu thương.)</i></p> <p><i>Gọi người lớn cứu khi xảy ra thiên tai: Mưa</i></p>	3, 8, 9	
43	5	<p>- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không</p>	<p>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có</p>			

		<p>an toàn và gọi người giúp đỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</li> <li>- Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</li> <li>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</li> <li>+ Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</li> </ul> </li> </ul>	<p>bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</li> <li>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</li> <li>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</li> </ul> </li> </ul>	<p><i>đá, lũ, sạt lở đất.</i></p>		
44	4	<p>Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p>		<p>- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p>	2,8,10	
45	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trẻ biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>+ Biết đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>+ Không leo trèo cây, ban công,</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</li> </ul>			

		tường rào...				
<b>II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>						
<b>a) Khám phá khoa học</b>						
<b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</b>						
46	4	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “Vì sao cây lại héo ?” “Vì sao lá cây bị ướn ?”..		- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. <i>Khí hậu vùng miền thiên tai của địa phương:</i> - Sạt lở đất, sỏi mòn, mưa lũ, ngập úng. - Khám phá khí hậu vùng miền, thiên tai xảy ra tại địa phương, sạn lở đất, sỏi mòn, mưa đá. <i>Những thiên tai xảy ra ở khu vực trường.</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	2,3,6,7,9	
47	5	- Trẻ tìm hiểu về một số hiện tượng như sấm, chớp, giông sét, mưa đá,... - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... (Tại sao có mưa đá giông sét, sạt lở đất)				
48	4	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm ... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. <i>STEAM: Dự án một số loại quả (5E)</i> - Ảnh hưởng của	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>STEAM: Dự án đồ dùng gia</i>	2,3,6,7,9  7 3	

			<i>thiên tai đến thực vật, động vật như làm cây cối chết, bị chôn vùi, con vật không có thức ăn, không có nơi cư trú</i>	<i>đình) (5E)</i> - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm Cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. <i>STEAM (Dự án đồ dùng gia đình) (5E)</i> Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.		
49	5	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - <i>Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm (BC)</i>	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (5E)</i> - <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các mùa trong năm (BC).</i> - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.		3 7	
50	4	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, tìm hiểu. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, tìm hiểu, quan sát, so sánh.		- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây		
51	5	- Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	5,7,9	

52	4	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện, <i>quan tâm tìm hiểu ảnh hưởng của thiên tai.</i>		- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	5,7,9	
53	5	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.				
54	4	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án đồ dùng gia đình 5E</i> - Đặc điểm, công dụng, <i>nơi hoạt động</i> của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu, <i>phù hợp với nhận thức của trẻ.</i> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>STEAM: Dự án một số loại quả (5E)</i> - <i>Sự khác nhau giữa ngày và đêm</i>		1,3 3 8 7 9	
55	5	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>STEAM (Dự án đồ</i>		1,3,	



		- Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (BC)	dùng gia đình (5E)) - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu STEAM (Dự án một số loại quả) (5E) - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. phù hợp với nhận thức của trẻ. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm ở địa phương		3  7  8  9	
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</b>						
56	4	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi: ví dụ: " Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn". Nhận biết các loại thiên tai ở địa phương		- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối khi chuẩn bị có thiên tai ở địa phương.	5,7,9	
57	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi". Giải thích được nguyên nhân, hậu quả cơ bản thường xảy ra ở địa phương				
		- Trẻ biết sử dụng		- Một số	1,2,3,8	

58	4	cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản: Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn		mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
59	5	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.				
<b>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</b>						
60	4	- Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi <i>STEAM (Dự án đồ dùng gia đình (5E))</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. <i>STEAM (Dự án một số loại quả(5E))</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm		1,2,3 3 5,7 7 9	
61	5	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. <i>STEAM (Dự án đồ dùng gia đình (5E))</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (5E)</i> - Sự khác nhau giữa		1,2,3 3	

			ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.		7	
					9	
62	4	- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. + Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, Phòng khám bệnh, xây dựng công viên... + Hát các bài hát về cây, con vật... + Vẽ, xé, dán, nặn ghép hình....cây cối con vật.		1->10	
63	5	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện hiểu biết của bản thân về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
<b><i>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i></b>						
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng</b>						
64	4	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “bao nhiêu ?”; “là số mấy ?”.... - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - <i>Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp</i>		1,4,5,6,7,10	
65	5	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "bao nhiêu?"; "đây là mấy?"...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - <i>Quan tâm đếm các con số, thích nói về</i>			

		- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	<i>số lượng, đếm, hỏi.</i>			
66	4	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,4,5,6,7,10	
67	5	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	Nhận biết, so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất			
68	4	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		1,4,5,6,7,10	
69	5	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm			
70	4	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		1,4,5,6,7,10	
71	5	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm			
72	4	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		1,4,5,6,7,10	

73	5	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.			
74	4	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	3,4,5,8	
75	5	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.				
<b>2. Sắp xếp theo quy tắc</b>						
76	4	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc: <i>Tìm ra quy tắc sắp xếp của các vật dụng hàng ngày: tự xếp theo quy tắc nào đó và nói ra quy tắc đó; nhận ra quy tắc sắp xếp sẵn có của 3 đối tượng và tiếp tục theo quy tắc đó xếp và sắp xếp theo qui tắc.</i>	- 1 - 8	
77	5	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra qui tắc sắp xếp. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.		- 8 - 1	
<b>3. So sánh hai đối tượng</b>						
78	4	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều		- 4,7	

		đo và so sánh	<i>dài của 2-3 đối tượng.</i> - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .		- 9	
79	5	- Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.		- 4,7  - 10  - 9	
<b>4. Nhận biết hình dạng</b>						
80	4	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (Hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- 4  - 8	
81	5	- Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.		- 4  - 8	
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>						
82	4	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía		2	

			phải - phía trái).			
83	5	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.			
84	4	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.			
85	5	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.		9	

**c) Khám phá xã hội**

**1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng**

86	4	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.			
87	5	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.		2	
88	4	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.			
89	5	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia		3	

		hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.(ở bản nào, xã nào)			
90	4	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. - <i>Biết địa chỉ gia đình</i>		3	
91	5	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.			
92	4	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		1	
93	5	- Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.			
94	4	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		1	



		hỏi, trò chuyện.			
95	5	- Trẻ nói tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường		
<b>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề phổ biến ở địa phương</b>					
96	4	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi (nghề dệt vải, đan lát, làm nông...tại địa phương) của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến (nghề dệt vải, thêu, đan lát, làm nương...), nghề truyền thống của địa phương. Nơi trẻ sống.	4
97	5	- Trẻ nói đặc điểm và lợi ích, sự khác nhau của một số nghề: nghề nông, nghề xây dựng, đan lát. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”			
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>					
98	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. (Hội ném còn, ném pao, hội xuân, tết lúa mới)	Biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.		1,2,4,5,6,7,10
99	5	- Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. (Hội xuân, hội ném còn, ném pao, múa sạp...) Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm	Tên gọi, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của địa phương, quê hương đất nước. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em		

		và cho em đi chơi công viên...”.	<i>đi chơi công viên...”.</i>			
100	4	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của lễ hội ở địa phương.		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước, tại địa phương.	6,10	
101	5	- Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của lễ hội ở địa phương sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.				

### III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

#### 1. Nghe hiểu lời nói

102	4	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.		1->3	
103	5	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp <i>bằng tiếng việt.</i>			
104	4	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm bằng tiếng việt.		1->10	
105	5	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa bằng tiếng việt.			

		gia đình, đồ dùng học tập,...).			
106	4	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.		- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	1->10
107	5	- Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động, (BC) - Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện thơ, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ (BC)		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. <i>bằng Tiếng Việt.</i> - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp	
<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</b>					
108	4	- Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được <i>bằng tiếng việt</i>	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.		1->10
109	5	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>bằng tiếng việt</i>	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.		
110	4	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm <i>bằng tiếng</i>	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.. <i>bằng tiếng</i>		8,10

		<i>việt</i>	<i>việt.</i>			
111	5	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh <i>bằng tiếng việt</i>	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? <i>bằng tiếng việt.</i>			
112	4	- Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định <i>bằng tiếng việt</i>	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép <i>trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng việt</i>		1->10	
113	5	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ... <i>bằng tiếng việt</i>	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì? <i>bằng tiếng việt</i>			
114	4	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết			
115	5	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Kể lại sự việc theo trình tự.		7,8	
116	4	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè <i>bằng tiếng việt.</i>	1->10	
117	5	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...				

118	4	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu kết thúc.	Kể lại truyện đã được nghe <i>bằng tiếng việt</i>			
119	5	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự		1->10	
120	4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện <i>bằng tiếng việt</i>		- Đóng kịch theo sự hướng dẫn của cô	7->10	
121	5	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện <i>bằng tiếng việt</i>				
122	4	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp <i>bằng tiếng việt</i>	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép <i>bằng tiếng việt</i>			
123	5	- Trẻ sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống <i>bằng tiếng việt</i>	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng <i>bằng tiếng việt</i>		1,2,3	
124	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	3 ->6	
125	5	- Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh				
<b>3. Làm quen với việc đọc - viết</b>						
126	4	- Trẻ biết chọn sách để xem.		- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau		
127	5	- Trẻ chọn sách để “đọc” và xem		- Trẻ thích	1->10	

				nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ		
128	4	- Trẻ mô tả hành động của các hành động trong tranh	- Mô tả sự vật hiện tượng tranh, ảnh.		1->10	
129	5	- Trẻ kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.			
130	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - "Đọc" truyện qua các hình vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1->10	
131	5	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.				
132	4	- Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm		- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi	1,2,3,8	
133	5	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường:				

		nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...		nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
134	4	- Trẻ biết sử dụng ký hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.....	Nhận dạng 1 số chữ cái.			
135	5	Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt. - Trẻ đọc chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh (BC)	Nhận dạng các chữ cái.  - Tìm, kiếm chữ cái trong từ, tiếng.(BC)		1->10	
136	4	Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái		Tập tô, đồ các nét chữ		
137	5	Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Trẻ có hành vi giữ gìn bảo vệ sách(BC)	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Giữ gìn bảo vệ sách(BC)		1->10	

#### IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

##### 1. Thể hiện ý thức về bản thân

138	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Tên, tuổi, giới tính			
139	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình		2,3	
140	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.		2	
141	5	- Trẻ nói được điều	Sở thích, khả năng			

		bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	của bản thân.			
142	4	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác theo khả năng		2,3	
143	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). - Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (BC)	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - <i>Ứng xử phù hợp với giới tính bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh, thay quần áo nơi kín đáo, chú ý động tác khi mặc váy (BC)</i>			
144	4	- Trẻ biết mình là thành viên trong gia đình		- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	3	
145	5	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.			
146	4	- Trẻ quan tâm giúp đỡ bạn	- Quan tâm, giúp đỡ bạn		1,2,3	
147	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn			
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</b>						
148	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1,2,3	
149	5	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) - Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân(BC)	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - <i>Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (BC)</i>			
150	4	- Trẻ biết cố gắng	Cố gắng hoàn thành		6,7	



		hoàn thành công việc được giao( Trục nhật, dọn đồ chơi).	công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi).			
151	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động			
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>						
152	4	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.			
153	5	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc		2,5,6	
154	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.			
155	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		2,5,6	
156	5	- Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia sẻ với người thân và bạn bè (BC) - Trẻ biết cảm thông chia sẻ với người trong hoàn	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác			

		cảnh thiên tai.				
157	4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.			
158	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc ...)	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)		10	
159	4	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		- Kính yêu Bác Hồ, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.		
160	5	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách HCM			10	
161	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội (hội ném còn, ném pao, múa sạp) của quê hương, đất nước.		*4,5 T: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội (hội ném còn, ném pao, thổi kèn ...). của quê hương, đất nước		
162	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn ...), (như múa sạp, ném còn, ném pao, áo dân tộc mông, bánh gù, bánh dày,... của quê hương, đất nước.			6,10	
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>						

163	4	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3,8	
164	5	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép				
165	4	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.			
166	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Chào hỏi xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ cho quà	1,3		
167	4	- Trẻ chú ý nghe khi cô bạn nói.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1,6		
168	5	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.			
169	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Chờ đến lượt, hợp tác	3,4,5		
170	5	- Trẻ biết chờ đến lượt	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - <i>Chờ đến lượt khi</i>			

			<p><i>tham gia vào các hoạt động, không chen lấn, xô đẩy bạn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Xếp hàng ngay ngắn khi tập thể dục</i></li> <li>- <i>Không chạy từ hàng này sang hàng kia khi tập thể dục.</i></li> </ul>			
171	4	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	Trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).			
172	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</li> <li>- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.</li> </ul>			1,4,7
173	4	- Trẻ biết phân biệt hành vi đúng sai, tốt xấu	Phân biệt hành vi đúng sai, tốt xấu			
174	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.			1,3,5,6
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>						
175	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, (cây rau, cây hoa...), con vật (con chó, mèo, gà, dê, lợn, ngựa) thân thuộc, có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường.		- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.		7
176	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, (cây rau, cây hoa...), con vật (con chó, mèo, gà, dê, lợn, ngựa) thân thuộc, có ý thức				

		trách nhiệm bảo vệ môi trường.				
177	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.		- Bỏ rác đúng nơi quy định	1->9	
178	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định				
179	4	- Trẻ biết không được bẻ cành, bứt hoa.		- Giữ gìn vệ sinh môi trường.		
180	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		- Bảo vệ môi trường cảnh quang nhà trường, cảnh quang thiên nhiên và cảnh giác với các HTTT tại địa phương.	1,2,3,5,7,9,10	
		- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (bc)		- Hoạt động phòng chống của thiên tai đối với gia đình		
181	4	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		- Tiết kiệm điện, nước.		
182	5	- Trẻ biết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn thừa		1,9,10	
<b>V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</b>						
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</b>						
183	4	- Trẻ thể hiện được vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp		1->10	

		lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.			
184	5	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.			
185	4	- Trẻ chú ý nghe thích thú (Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).			
186	5	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.		1->10	
187	4	- Trẻ thích thú ngắm nhìn và chỉ sờ và sử dụng các	Thích thú ngắm nhìn và chỉ sờ và sử dụng các từ gọi cảm		1->10	

		từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...) của tác phẩm tạo hình.	nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...) của tác phẩm tạo hình.			
188	5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.			
<b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</b>						
189	4	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ..		- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.		
190	5	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			1->10	
191	4	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu			
192	5	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu		1->10	

193	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		1->10 7 3	
194	5	- Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm..	Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		7 3	
195	4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước		1->10	
196	5	- Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục			
197	4	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		1->10 3	
198	5	- Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục			



			<i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		3	
199	4	- Trẻ biết làm lỗm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)</i>		1->10  3	
200	5	- Trẻ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)</i>		3	
201	4	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng đường nét.		1->10	
202	5	- Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.			
203	4	- Trẻ biết nhận xét các màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		1->10 7  3	
204	5	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục... <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM (Dự án một</i>		7	

			<i>số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		3	
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</b>						
205	4	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.		1->10	
206	5	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.			
207	4	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.		2->10	
208	5	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).			
209	4	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích... <i>STEAM(Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM(Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	1->10 7 3	
210	5	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tìm hiểu, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích... <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)...</i> <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>		7 3	
211	4	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->10	
212	5	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Trẻ đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện,	Nói lên ý		

	- Trẻ đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (BC).	đặt lời mới cho bài hát (BC)	tưởng tạo hình của mình. <i>STEAM (Dự án một số loại quả) (EDP)..</i> <i>STEAM (Dự án một số đồ dùng trong gia đình) (EDP)</i>	7  3	
--	---	------------------------------	--	------------	--

**UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  
TRƯỜNG MẦM NON TÀ DÌNH**

**DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024 – 2025  
LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4-5 TUỔI  
(35 tuần thực học)**

stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian	Lễ hội	ĐC BS
<i>Ngày 06/9/2024 đón trẻ rèn nề nếp, lễ giáo</i>						
1	<b>Trường MN (3 tuần)</b>	- Trường mầm non của bé	1	9/9 - 13/9/2024	Ngày hội bé đến trường	
		- Bé vui trung thu	1	16/9 - 20/9/2024	Ngày hội trăng rằm	
		- Lớp học của bé	1	23/9 – 27/9/2024		
2	<b>Bản thân (3 tuần)</b>	Bé giới thiệu về bản thân	1	30/9- 04/10/2024		
		Cơ thể kỳ diệu của bé	1	07/10 - 11/10/2024		
		Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	1	14/10 - 18/10/2024	Ngày hội liên hiệp Phụ nữ 20/10	
3	<b>Gia đình của bé (4 tuần)</b>	Những người thân yêu của bé	2	21/10 - 01/11/2024		
		- Ngôi nhà của gia đình bé	1	04/11 – 8/11/2024		
		- STEAM: Dự án đồ dùng gia đình	1	11/11 - 15/11/2024		
4	<b>Nghành nghề (4 tuần)</b>	Ngày hội của thầy cô	1	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11	
		- Bé tìm hiểu về nghề nông	1	25/11 - 29/11/2024		
		- Bé tìm hiểu nghề y	1	02/12 - 06/12/2024		
		- Bé tìm hiểu về nghề phổ biến	1	9/12 - 13/12/2024		
5	<b>Thế giới động vật (4 tuần)</b>	- Một số con vật sống trong gia đình.	1	16/12 - 20/12/2024	Ngày quân đội nhân dân VN 22/12	
		- Một số con vật sống trong rừng.	1	23/12 - 27/12/2024		
		- Một số con vật sống dưới nước.	1	30/12 - 03/01/2025		

		- Bé tìm hiểu một số con côn trùng và chim	1	06/01 - 10/01/2025		KTHK I
<b>Soạn ôn học kì I 13/1 – 17/1/2025</b>						
<b>6</b>	<b>Tết và mùa xuân (3 tuần)</b>	Bé tìm hiểu về tết Nguyên Đán	1	20/01 - 24/01/2025	Bé vui đón tết, tổ chức hoạt động cho trẻ đón tết	Tái giảng học kỳ II
		<b>Nghỉ tết Nguyên Đán 27/01 - 31/01/2025</b>				
		Mùa xuân trên bản làng	1	03/02 – 07/02/2025		
		Lễ hội mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025		
<b>7</b>	<b>Thế giới thực vật (4 tuần)</b>	- Bé tìm hiểu về cây xanh	1	17/02 – 21/02/2025		
		- Một số loại hoa	1	24/02 – 28/02/2025		
		- STEAM: Dự án một số loại quả	1	3/3 - 7/3/2025	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	
		- Một số loại rau	1	10/3 – 14/3/2025		
<b>8</b>	<b>Một số PTGT (3 tuần)</b>	- Một số PT và QĐGT đường bộ	1	17/3 – 21/3/2025		
		- Một số PTGT đường thủy	1	24/3 - 28/3/2025		
		- Một số PTGT đường hàng không		31/3 - 04/4/2025		
<b>9</b>	<b>Nước và các HTTN (3 tuần)</b>	- Bé tìm hiểu nước và ích lợi của nước	1	07/4 – 11/4/2025		
		- Bé tìm hiểu một số hiện tượng tự nhiên	1	14/4 - 18/4/2025		
		- Bé tìm hiểu các mùa trong năm	1	21/4 - 25/4/2025		
<b>10</b>	<b>QH - ĐN - BH - Trường tiểu học (4 tuần)</b>	- Quê hương Điện Biên của bé	1	28/4 – 02/5/2025	Giải phóng MN thống nhất đất nước	
		Đất nước Việt Nam	1	05/05 – 09/5/2025	Chiến thắng ĐBP	
		- Bác Hồ kính yêu	1	12/5 – 16/5/2025		

		- Bé tìm hiểu về trường tiểu học	1	19/5–23/5/2025		
--	--	----------------------------------	---	----------------	--	--

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PHÊ DUYỆT**



TRƯỜNG  
MẦM NON  
TIA DƯƠNG

**Trần Thị Thủy**